

Số: 34 /BC-HĐND

Chợ Đồn, ngày 10 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO THẨM TRA

Tờ trình dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025”

Thực hiện Thông báo số 35/TB-HĐND, ngày 23 tháng 5 năm 2023 về dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 9 (kỳ họp thường lệ giữa năm) HĐND huyện khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Sau khi xem xét Tờ trình số 1307/TTr-UBND ngày 07/6/2023 của UBND huyện về dự thảo Nghị quyết về việc Điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025”. Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện báo cáo kết quả như sau:

1. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết đối với các quy định của pháp luật

Tờ trình dự thảo nghị quyết về việc Điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025” trình tại kỳ họp phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tình hình, điều kiện điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng với quy định pháp luật hiện hành.

2. Về nội dung

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-HĐND về việc thông qua Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023 – 2025”. Theo đó, quy mô thực hiện Phương án là 433 cây chè Shan tuyết cổ thụ; dự toán kinh phí là 956.310.000 đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 839.400.000 đồng, kinh phí nhân dân đối ứng 116.910.000. đồng.

Tuy nhiên trong quá trình UBND huyện giao các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện nội dung Phương án; qua thống kê, rà soát có tổng số 605 cây/32 hộ, tại 06 thôn đủ điều kiện tham gia phương án; Số cây vượt so với phương án đã ban hành tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 là 172 cây. Nguyên nhân tăng do khi tham mưu xây dựng Phương án ban đầu, cơ quan chuyên môn thực hiện công tác rà soát, thống kê, kiểm đếm chưa sát thực tế; đồng thời một số người dân chưa hiểu rõ mục tiêu của phương án là chăm sóc, bảo tồn số cây chè hiện có, nên đã không tham gia đăng ký thực hiện phương án. Tại kỳ họp này, UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện bổ sung quy mô thực hiện và tăng dự toán kinh phí thực hiện phương án.

3. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội

3.1. Sau khi thẩm tra, Ban nhận thấy: Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023 – 2025” được xây dựng nhằm bảo tồn, lưu giữ cây Chè Shan tuyết cổ thụ trên địa bàn xã Bằng Phúc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển du lịch của địa phương. Qua khảo sát thực tế tại một số thôn dự kiến triển khai thực hiện Phương án cho thấy, cơ bản các cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc được kiểm tra, thống kê, đề xuất bổ sung đang sinh trưởng, phát triển khá tốt và cho thu hoạch, đủ điều kiện tham gia theo phương án. Đồng thời, cấp ủy, chính quyền địa phương đồng tình, nhất trí với nội dung của phương án. Do vậy, Ban nhất trí với chủ trương thông qua Nghị quyết về việc Điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025” của UBND huyện.

Để triển khai thực hiện tốt các nội dung Phương án, Ban đề nghị UBND huyện quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành kế hoạch thực hiện phương án theo từng năm và thực hiện các nội dung của Phương án đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

- Đối với những khu vực, diện tích và các cây chè Shan tuyết chưa đủ điều kiện tham gia phương án và nằm ngoài số lượng 605 cây chè được hỗ trợ kinh phí thực hiện, đề nghị UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực chăm sóc, giữ gìn, bảo tồn gắn với phát triển du lịch theo mục tiêu, nội dung phương án góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2 Về nội dung dự thảo Nghị quyết:

Qua thẩm tra, ban cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, Ban đề nghị xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

- Tại phần căn cứ ban hành: Đề nghị xem xét bổ sung các căn cứ như Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện.

- Tại Điều 1: Bổ sung quy mô số lượng cụ thể tại các thôn với tổng số 605 cây chè Shan Tuyết.

- Tại Khoản 1, Điều 1: Dòng “*Tổng ngân sách nhà nước Nhà nước hỗ trợ sau điều chỉnh là: 1.236.166.500,0 đồng*”, Đề nghị xem xét bỏ cụm từ “***nhà nước Nhà nước hỗ trợ***” do đây là tổng kinh phí thực hiện phương án, bao gồm cả ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí nhân dân đối ứng.

- Tại dòng - Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Đề nghị bỏ nội dung **cụ thể từng năm:** + Năm 2023: 351.305.500,0 đồng;

+ Năm 2024: 376.243.000,0 đồng;

+ Năm 2025: 345.268.000,0 đồng.

Do nội dung này đã thể hiện cụ thể trong bảng số liệu.

- Đưa biểu số liệu vào phụ lục kèm theo nghị quyết.

- Tại Khoản 2, Điều 1: “**Nội dung, mức hỗ trợ, thời gian và nguồn kinh phí thực hiện**” đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về việc thông qua Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023 - 2025”.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện về Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025”. Kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Trung tâm Dịch vụ NN;
- Lưu: VT, Ban KTXH.

**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Thị Bách

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Chợ Đồn, ngày tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã
Bằng Phúc giai đoạn 2023 - 2025”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN
KỲ HỌP THỨ 9 - KHÓA XX**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt số: 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông tại địa phương từ nguồn ngân sách tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành định mức kỹ thuật để áp dụng trong thực hiện các chương trình, dự án, các mô hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Kế hoạch số 776/KH-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phát triển nông lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về việc thông qua Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023- 2025”;

Xét Tờ trình số 1307/TTr-UBND ngày 07/6/2023 của UBND huyện Chợ Đồn về việc điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025”; Báo cáo thẩm tra số ngày 17/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023-2025” với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh quy mô và dự toán kinh phí như sau:

- Quy mô thực hiện: Điều chỉnh bổ sung 172 cây chè Shan tuyết tại xã Bằng Phúc đủ điều kiện tham gia thực hiện Phương án. Tổng số cây chè Shan tuyết sau điều chỉnh là 605cây/32hộ (*thôn Phiêng Phung: 324 cây/12hộ; Nà Bay: 72 cây/05hộ; Nà Pài: 62 cây/05hộ; Bản Khiếu 44 cây/02 hộ; Khuổi Cườm: 78 cây/07hộ ; Bản Chang 25 cây/01hộ*).

- Kinh phí thực hiện: Điều chỉnh bổ sung kinh phí 279.856.500 đồng để thực hiện Phương án. Tổng ngân sách thực hiện Phương án sau điều chỉnh là: 1.236.166.500 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 1.072.816.500 đồng.

+ Nhân dân đối ứng: 163.350.000 đồng.

(Có biểu phụ lục 01, 02 chi tiết kèm theo)

2. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về việc thông qua Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã Bằng Phúc giai đoạn 2023 - 2025”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021- 2026, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/cáo);
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện;
- LĐ Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Ma Thị Na

BIỂU ĐIỀU CHỈNH**Phương án “Bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ tại xã
Bằng Phúc giai đoạn 2023 - 2025”***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn)*

| TT | Nội dung điều chỉnh | ĐVT | Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện | Đề nghị bổ sung | Sau bổ sung, điều chỉnh |
|------------------|----------------------------------|-------------|--|------------------------|--------------------------------|
| 1 | Quy mô thực hiện | Cây | 433 | 172 | 605 |
| 2 | Dự toán kinh phí | Đồng | 956.310.000 | 279.856.500 | 1.236.166.500 |
| | Trong đó: | | | | |
| 2.1 | Nhân dân đóng | Đồng | 116.910.000 | 46.440.000 | 163.350.000 |
| 2.2 | Ngân sách nhà nước hỗ trợ | Đồng | 839.400.000 | 233.416.500 | 1.072.816.500 |
| Cụ thể từng năm: | | | - | - | - |
| - | Năm 2023 | Đồng | 254.110.000 | 97.195.500 | 351.305.500 |
| - | Năm 2024 | Đồng | 329.867.000 | 46.376.000 | 376.243.000 |
| - | Năm 2025 | Đồng | 255.422.000 | 89.846.000 | 345.268.000 |

DỰ TOÁN KINH PHÍ SAU ĐIỀU CHỈNH
“PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ BẢO TỒN CÂY CHÈ SHAN TUYẾT CỎ THỤ TẠI XÃ BẢNG PHÚC GIAI ĐOẠN 2023-2025”
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn)

| TT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tổng dự toán kinh phí (đồng) | Trong đó | | Nguồn kinh phí phân kỳ theo các năm | | | | | | Ghi chú |
|----|---|----------|----------|----------------|------------------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|---|
| | | | | | | NSNN hỗ trợ (đồng) | Nhân dân đóng góp (đồng) | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | |
| | | | | | | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | |
| I | NHÂN DÂN ĐÓI ỨNG - PHÂN CHUÔNG (30kg/cây*3 năm) | kg | 54.450 | 3.000 | 163.350.000 | | 163.350.000 | | | | | | | |
| II | NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ | | | | 1.021.730.000 | 1.021.730.000 | - | | | | | | | |
| I | Hỗ trợ vật tư, phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc BVTV, Biện thu tự cây | Cây/đồng | 605 | | 79.580.000 | 79.580.000 | - | | | | | | | |
| - | Phân hữu cơ vi sinh (1,0kg/cây/năm*3năm) | Kg | 1.815 | 15.000 | 27.225.000 | 27.225.000 | | 605 | 9.075.000 | 605 | 9.075.000 | 605 | 9.075.000 | Theo Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn |
| - | Thuốc BVTV (1.000.000đ/ha*3 năm-Định mức tính 3.000cây/ha) | đồng | 0,605 | 1.000.000 | 605.000 | 605.000 | | 0,2017 | 201.667 | 0,2017 | 201.667 | 0,2017 | 201.667 | |
| - | Dụng cụ cắt, bấm tỉa cành gồm: Cưa đốn đau, cắt cành sâu bệnh 220.000đ/c; Kéo bấm tỉa cành nhỏ: 130.000đ/c; (Trung bình 01 bộ/hộ; đối với hộ có trên 50 cây: 02 bộ) | bộ | 40 | 350.000 | 14.000.000 | 14.000.000 | | 40,00 | 14.000.000 | - | - | - | - | Phiếu báo giá thực tế của cửa hàng và kết quả thẩm định. |

| TT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tổng dự toán kinh phí (đồng) | Trong đó | | Nguồn kinh phí phân kỳ theo các năm | | | | | | Ghi chú | |
|-----|---|-------|----------|----------------|------------------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|-----------|-------------------|----------|-------------------|---------|--|
| | | | | | | NSNN hỗ trợ (đồng) | Nhân dân đóng góp (đồng) | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | | |
| | | | | | | | | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | | |
| - | Biên số thứ tự cây | Biên | 605 | 50.000 | 30.250.000 | | | | | | | | | | Phieu báo giá thực tế của cửa hàng và kết quả thẩm định. |
| - | Biên mô hình (2.500.000/01 cái * 03 cái) | Cái | 3 | 2.500.000 | 7.500.000 | | | | 3 | 7.500.000 | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăm sóc, bảo vệ cây (500.000/cây/năm * 3 năm) | | 1.815 | 500.000 | 907.500.000 | | | 605 | 302.500.000 | | | | | | Khoản 500.000/cây/năm |
| 3 | Tập huấn, hội thảo | | | | 34.650.000 | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Tập huấn kỹ thuật (hệ thực hiện phương án và hộ ngoài phương án có nhu cầu) | Lớp | - | | 26.400.000 | | | | | | | | | | |
| - | Thù lao giảng viên | Người | 3 | 1.200.000 | 3.600.000 | | | 1 | 1.200.000 | | | | | | - Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND tỉnh, |
| - | Thù lao trợ giảng | Người | 3 | 600.000 | 1.800.000 | | | 1 | 600.000 | | | | | | - Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của bộ tài chính. |
| - | Hỗ trợ học viên tham gia tập huấn | Người | 150 | 100.000 | 15.000.000 | | | 50 | 5.000.000 | | | | | | |
| - | Giải khát giữa giờ cho học viên | Người | 150 | 20.000 | 3.000.000 | | | 50 | 1.000.000 | | | | | | (Điều chỉnh giám 03 lần |
| - | Tài liệu cho học viên | Bộ | 150 | 10.000 | 1.500.000 | | | 50 | 500.000 | | | | | | tập huấn/03 năm theo NQ 26) |
| - | Văn phòng phẩm (cấp bảm, bút, vở ghi chép) | Bộ | 150 | 10.000 | 1.500.000 | | | 50 | 500.000 | | | | | | |

| TT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tổng dự toán kinh phí (đồng) | Nguồn kinh phí phân kỳ theo các năm | | | | | | Ghi chú | | |
|-----|------------------------------|-------|----------|----------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|---|---|-------------------|
| | | | | | | Trong đó | | Năm 2023 | | Năm 2024 | | | Năm 2025 | |
| | | | | | | NSNN hỗ trợ (đồng) | Nhân dân đóng góp (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) | | Số lượng | Thành tiền (đồng) |
| 3.2 | Tổng kết Phương án | Cuộc | - | | 8.250.000 | - | - | - | - | - | - | (50 người/cuộc - tại xã) | | |
| - | Photo báo cáo tổng kết | Bộ | 50 | 10.000 | 500.000 | | | | | | 500.000 | Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính | | |
| - | Tiền ăn đại biểu không lương | Người | 45 | 150.000 | 6.750.000 | | | | | | 6.750.000 | | | |
| - | Giải khát giữa giờ | Người | 50 | 20.000 | 1.000.000 | | | | | | 1.000.000 | | | |
| III | CHI PHÍ QUẢN LÝ (II*5%) | | | 5% | 51.086.500 | | | | | | | | Nghị QUYẾT 08/2020/NQ-HDND ngày 24/7/2020 HDND tỉnh Bắc Kạn | |
| | TỔNG DỰ TOÁN (I+II+ III) | | | | 1.236.166.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.072.816.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 351.305.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 17.916.333 | | | | | | | | | |
| | | | | | 16.728.833 | | | | | | | | | |
| | | | | | 51.086.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.072.816.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.236.166.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 351.305.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 17.916.333 | | | | | | | | | |
| | | | | | 16.728.833 | | | | | | | | | |
| | | | | | 51.086.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.072.816.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.236.166.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 351.305.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 17.916.333 | | | | | | | | | |
| | | | | | 16.728.833 | | | | | | | | | |
| | | | | | 51.086.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 163.350.000 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.072.816.500 | | | | | | | | | |
| | | | | | 1.236.166.500 | | | | | | | | | |

* Tổng dự toán kinh phí sau điều chỉnh: Một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng.

Trong đó: - Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Một tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm mười sáu nghìn, năm trăm đồng.

- Người dân đối ứng: Một trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng./.